

KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH - KHÓA 2013 CAO ĐẲNG

TT	MSSV	Họ tên thí sinh	Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
1	13D2040002	Nguyễn Thị Ngọc Ái	13CĐ-M	2.0	EA2a
2	13D2010001	Huỳnh Trần Công An	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
3	13D301Đ001	Lương Hoàng Thuận An	13CĐ-Đ1	2.5	EA2a
4	13D201M095	Trần Long An	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
5	13D2010002	Bùi Thiên Ân	13CĐ-CK3	2.5	EA2a
6	13D2050293	Đặng Trần Hoàng Ân	13CĐ-Ô2	3.0	EA2b
7	13D2010003	Nguyễn Hồng Ân	13CĐ-CK4	2.5	EA2a
8	13D2010004	Trương Văn Ân	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
9	13D2050002	Hồ Tuấn Anh	13CĐ-Ô2	1.5	EA2a
10	13D201M001	Huỳnh Lâm Thế Anh	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
11	13D201P003	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	13CĐ-TP1	4.5	EA2b
12	13D2060001	Trần Ngọc Anh	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
13	13D2040001	Trương Thị Thúy Anh	13CĐ-M	2.0	EA2a
14	13D2010005	Trần Đình Át	13CĐ-CK1	2.5	EA2a
15	13D2050005	Lê Minh Bằng	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
16	13D2010007	Đinh Quốc Bảo	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
17	13D301Đ149	Đỗ Huỳnh Bảo	13CĐ-Đ1	1.5	EA2a
18	13D301Đ006	Dương Hồng Bảo	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
19	13D2050006	Lê Vạn Bảo	13CĐ-Ô1	3.0	EA2b
20	13D2060003	Nguyễn Khoa Bảo	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
21	13D301Đ007	Phạm Văn Bảo	13CĐ-Đ3	1.5	EA2a
22	13D2010009	Trần Đình Bảo	13CĐ-CK4	4.0	EA2b
23	13D301Đ008	Trương Vũ Bảo	13CĐ-Đ1	1.5	EA2a
24	13D301Đ009	Võ Thành Bảo	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
25	13D301Đ010	Trần Đình Bảy	13CĐ-Đ2	1.5	EA2a
26	13D201M004	Châu Thị Bé	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
27	13D2010011	Vòng Đình Bích	13CĐ-CK1	2.5	EA2a
28	13D3010176	Đặng Thanh Bình	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
29	13D3010002	Đinh Khắc Bình	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
30	13D301Đ090	Đoàn Thái Bình	13CĐ-Đ3	2.0	EA2a
31	13D201P008	Nguyễn Thanh Bình	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
32	12D201P005	Nguyễn Thanh Bình	13CĐ-TP2	1.5	EA2a
33	13D201M005	Nguyễn Thanh Bình	13CĐ-TM1	1.5	EA2a
34	13D2060005	Phạm Quốc Bình	13CĐ-NL1	2.0	EA2a
35	13D2010272	K' Bis	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
36	13D2010012	Nguyễn Trương Bửu	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
37	13D2050298	Hồ Văn Cảnh	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
38	13D2010013	Trần Hữu Cảnh	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
39	13D2010014	Trương Ngọc Chánh	13CĐ-CK3	1.5	EA2a
40	13D2050011	Đặng Minh Châu	13CĐ-Ô1	1.5	EA2a
41	13D2040003	Phạm Thị Minh Châu	13CĐ-M	1.5	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
42	13D301Đ015	Phan Văn	Chiến	13CĐ-Đ3	1.5	EA2a
43	13D2010016	Lê Hữu	Chinh	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
44	13D2010017	Trần Bảo	Chinh	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
45	13D301Đ193	Phạm Công	Chính	13CĐ-Đ1	1.5	EA2a
46	13D3010005	Nguyễn Thành	Chung	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
47	13D2010019	Nguyễn Ngọc	Chương	13CĐ-CK2	2.5	EA2a
48	13D201P012	Lê Chí	Công	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
49	13D2010020	Võ Duy	Công	13CĐ-CK3	1.5	EA2a
50	13D301Đ020	Trịnh Lê	Cung	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
51	13D301Đ021	Nguyễn Chí	Cường	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
52	13D2050013	Nguyễn Mạnh	Cường	13CĐ-Ô1	2.0	EA2a
53	13D2010022	Nguyễn Việt	Cường	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
54	13D2050015	Phạm Quốc	Cường	13CĐ-Ô4	3.5	EA2b
55	13D2060007	Võ Thành	Danh	13CĐ-NL1	3.0	EA2b
56	13D201M087	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
57	13D2040004	Nguyễn Hoàng	Diệu	13CĐ-M	3.0	EA2b
58	13D301Đ024	Trương Công	Duẩn	13CĐ-Đ1	2.5	EA2a
59	13D2050019	Hồ Chí	Dũng	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
60	12D3010025	Lê Sĩ	Dũng	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
61	13D3010011	Nguyễn Đình	Dũng	13CĐ-ĐT2	2.5	EA2a
62	13D301Đ025	Nguyễn Ngọc	Dũng	13CĐ-Đ1	1.5	EA2a
63	13D2010024	Phạm Hoàng	Dũng	13CĐ-CK5	3.0	EA2b
64	13D3010012	Phạm Văn	Dũng	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
65	13D201P127	Trần Văn	Dũng	13CĐ-TP2	2.0	EA2a
66	13D2050305	Trần Việt	Dũng	13CĐ-Ô4	4.0	EA2b
67	13D2010273	Phạm Ngọc	Dược	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
68	13D301Đ192	Cao Trùng	Dương	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
69	13D2010025	Đỗ Trương	Dương	13CĐ-CK2	2.0	EA2a
70	13D2050022	Lê Triều	Dương	13CĐ-Ô2	2.5	EA2a
71	13D2060009	Nguyễn Văn	Dương	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
72	13D301Đ026	Trương Thành	Dương	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
73	13D2050023	Võ Đại	Dương	13CĐ-Ô1	3.0	EA2b
74	13D2050024	Đào Minh	Duy	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
75	13D2010026	Nguyễn Hữu	Duy	13CĐ-CK1	3.0	EA2b
76	13D3010014	Nguyễn Khánh	Duy	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
77	13D2010274	Nguyễn Nhật	Duy	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
78	13D2050025	Nguyễn Tấn	Duy	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
79	13D2050267	Nguyễn Thái	Duy	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
80	13D2010279	Phạm Ngọc	Duy	13CĐ-CK1	6.5	EB1b
81	13D2010028	Phạm Vũ	Duy	13CĐ-CK5	3.5	EA2b
82	13D2050027	Tạ Quốc	Duy	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
83	13D3010018	Nguyễn Hải	Đăng	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
84	13D2050029	Phạm Hải	Đăng	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
85	13D2010030	Vũ Minh	Đăng	13CĐ-CK1	1.0	EA2a
86	13D2050030	Đỗ Quốc	Đạt	13CĐ-Ô4	1.0	EA2a
87	13D201M009	Khương Công Thái	Đạt	13CĐ-TM1	1.5	EA2a
88	13D2010033	Lê Minh	Đạt	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
89	13D2050031	Lê Vũ	Đạt	13CĐ-Ô1	2.0	EA2a
90	13D3010076	Lữ Đình	Đạt	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
91	13D2010034	Mai Công	Đạt	13CĐ-CK5	2.0	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
92	13D201M012	Trần Mẫn	Đạt	13CD-TM2	2.5	EA2a
93	13D201M010	Ngô Thành	Đạt	13CD-TM2	1.5	EA2a
94	13D201M011	Nguyễn	Đạt	13CD-TM2	2.0	EA2a
95	13D3010177	Nguyễn Tấn	Đạt	13CD-ĐT2	2.5	EA2a
96	13D2050032	Nguyễn Tấn	Đạt	13CD-Ô2	2.5	EA2a
97	13D2010035	Nguyễn Tiến	Đạt	13CD-CK2	2.0	EA2a
98	13D2050033	Nguyễn Tiến	Đạt	13CD-Ô3	2.5	EA2a
99	13D2010037	Phạm Hữu	Đạt	13CD-CK2	2.0	EA2a
100	13D301Đ033	Trương Văn	Đạt	13CD-Đ1	0.5	EA2a
101	13D201P018	Nguyễn Văn	Định	13CD-TP2	1.5	EA2a
102	13D301Đ037	Nguyễn Thành	Đông	13CD-Đ1	3.0	EA2b
103	13D301Đ038	Hàn Minh	Đức	13CD-Đ2	2.0	EA2a
104	13D2050039	Hoàng Minh	Đức	13CD-Ô3	4.5	EA2b
105	13D201M016	Ngô Hiền	Đức	13CD-TM2	2.0	EA2a
106	13D301Đ191	Nguyễn Hiền	Đức	13CD-Đ1	3.0	EA2b
107	13D2010040	Nguyễn Hoài	Đức	13CD-CK5	1.5	EA2a
108	13D2050041	Nguyễn Hữu	Đức	13CD-Ô1	2.0	EA2a
109	13D201M017	Nguyễn Quang	Đức	13CD-TM1	2.0	EA2a
110	13D301Đ040	Nguyễn Văn	Đức	13CD-Đ1	1.5	EA2a
111	13D2010043	Trần Anh	Được	13CD-CK2	1.5	EA2a
112	13D2040064	Lương Tâm	Em	13CD-M	2.5	EA2a
113	13D2060013	Nguyễn Văn	Gia	13CD-NL1	1.5	EA2a
114	13D201M018	Huỳnh Trường	Giang	13CD-TM2	2.0	EA2a
115	13D201P021	Lâm Vũ Trường	Giang	13CD-TP1	2.0	EA2a
116	13D2040007	Lê Nguyễn Kim	Giao	13CD-M	3.0	EA2b
117	13D2010045	Nguyễn Hữu	Gìn	13CD-CK4	2.0	EA2a
118	13D301Đ042	Nguyễn Văn	Hà	13CD-Đ2	2.5	EA2a
119	13D2040008	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	13CD-M	3.0	EA2b
120	13D3010024	Hồ Thanh	Hải	13CD-ĐT1	2.0	EA2a
121	13D2010046	Lê Phúc	Hải	13CD-CK5	2.0	EA2a
122	13D2010293	Lê Tiến	Hải	13CD-CK4	2.0	EA2a
123	13D2010047	Nguyễn Công	Hải	13CD-CK2	2.5	EA2a
124	13D2050049	Nguyễn Phúc	Hải	13CD-Ô3	2.0	EA2a
125	13D2050050	Nguyễn Tịnh	Hải	13CD-Ô4	2.5	EA2a
126	13D2010275	Nguyễn Văn	Hải	13CD-CK2	3.0	EA2b
127	13D3010026	Phạm Giang	Hải	13CD-ĐT1	1.5	EA2a
128	13D2060015	Phạm Khắc	Hải	13CD-NL1	3.0	EA2b
129	13D2010048	Võ Duy	Hải	13CD-CK1	1.5	EA2a
130	13D201P023	Võ Minh	Hải	13CD-TP1	1.0	EA2a
131	13D2040057	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	13CD-M	2.0	EA2a
132	13D2050052	Trần Trọng	Hân	13CD-Ô2	2.5	EA2a
133	13D2040010	Bạch Thị Thúy	Hằng	13CD-M	2.0	EA2a
134	13D2040011	Bùi Thị Kim	Hằng	13CD-M	2.0	EA2a
135	13D2010051	Huỳnh Văn	Hạnh	13CD-CK4	1.5	EA2a
136	13D201P025	Đặng Thị	Hào	13CD-TP1	2.5	EA2a
137	13D2050058	Nguyễn Chí	Hào	13CD-Ô1	2.0	EA2a
138	13D2010052	Nguyễn Ngọc	Hào	13CD-CK1	2.0	EA2a
139	13D3010168	Nguyễn Phi	Hào	13CD-ĐT2	4.0	EA2b
140	13D3010029	Nguyễn Tấn Anh	Hào	13CD-ĐT1	5.5	EB1a
141	13D301Đ205	Mai Văn	Hảo	13CD-Đ2	1.5	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
142	13D2050060	Trần Đức	Hảo	13CĐ-Ô4	2.5	EA2a
143	13D2050062	Lư Trung	Hậu	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
144	13D201M020	Nguyễn Phúc	Hậu	13CĐ-TM2	1.5	EA2a
145	13D2010054	Nguyễn Văn	Hậu	13CĐ-CK1	1.0	EA2a
146	13D2050064	Trương Khánh	Hậu	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
147	13D2060017	Phan Thị	Hết	13CĐ-NL1	3.0	EA2b
148	13D2050304	Nguyễn Minh	Hiển	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
149	13D2010056	Nguyễn Thái	Hiền	13CĐ-CK3	2.5	EA2a
150	13D301Đ047	Phương Văn	Hiền	13CĐ-Đ3	1.5	EA2a
151	13D2040012	Võ Thị Ngọc	Hiền	13CĐ-M	3.0	EA2b
152	13D2010055	Lê Thái	Hiển	13CĐ-CK2	2.5	EA2a
153	13D301Đ048	Hồ Văn	Hiệp	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
154	13D2010058	Mai Xuân	Hiệp	13CĐ-CK5	2.5	EA2a
155	13D2050067	Trần Nguyên	Hiệp	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
156	13D201P026	Cao Trí	Hiếu	13CĐ-TP2	2.5	EA2a
157	13D2050068	Giáp Văn	Hiếu	13CĐ-Ô1	2.0	EA2a
158	13D2060070	Hoàng Trung	Hiếu	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
159	13D2050069	La Xuân	Hiếu	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
160	13D201M056	Lý Hữu	Hiếu	13CĐ-TM2	3.0	EA2b
161	13D2010061	Nguyễn Hoàng	Hiếu	13CĐ-CK2	2.0	EA2a
162	13D2010063	Nguyễn Minh	Hiếu	13CĐ-CK4	2.0	EA2a
163	13D201P027	Nguyễn Trung	Hiếu	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
164	13D2010064	Nguyễn Văn	Hiếu	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
165	13D3010167	Trần Huệ	Hiếu	13CĐ-ĐT2	3.5	EA2b
166	13D2010065	Phạm Long	Hồ	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
167	13D2050306	Trần Ngọc	Hồ	13CĐ-Ô1	1.5	EA2a
168	12D2040011	Đinh Thị Ngọc	Hoa	13CĐ-M	1.5	EA2a
169	13D201M086	Huỳnh Thị Hồng	Hoa	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
170	13D2040013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	13CĐ-M	1.5	EA2a
171	13D2050279	Đỗ Minh	Hòa	13CĐ-Ô3	2.5	EA2a
172	13D2050290	Đoàn Hữu	Hòa	13CĐ-Ô1	2.0	EA2a
173	13D301Đ051	Hoàng Văn	Hòa	13CĐ-Đ3	3.5	EA2b
174	13D301Đ053	Nguyễn Ngọc	Hoài	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
175	13D2010066	Nguyễn Văn	Hoài	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
176	13D201M022	Võ Văn	Hoài	13CĐ-TM2	2.0	EA2a
177	13D2010068	Nguyễn Thành	Hoan	13CĐ-CK3	1.0	EA2a
178	13D3010036	Đinh Khải	Hoàn	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
179	13D3010035	Lê Nguyễn	Hoàng	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
180	13D301Đ054	Nguyễn	Hoàng	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
181	13D2050073	Nguyễn Minh	Hoàng	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
182	13D2050074	Nguyễn Văn	Hoàng	13CĐ-Ô3	2.5	EA2a
183	13D2010264	Phan Đình	Hoàng	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
184	13D301Đ057	Trịnh Thanh	Hoàng	13CĐ-Đ1	2.5	EA2a
185	13D3010039	Nguyễn Văn	Hoanh	13CĐ-ĐT1	2.0	EA2a
186	13D2050075	Đinh Văn	Hợi	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
187	13D2040014	Nguyễn Thị Ngọc	Hợp	13CĐ-M	2.0	EA2a
188	13D3010040	Nguyễn Ngọc	Huân	13CĐ-ĐT2	2.5	EA2a
189	13D201P028	Nguyễn	Huệ	13CĐ-TP2	2.0	EA2a
190	12D2010067	Nguyễn Thanh	Hùng	13CĐ-CK1	0.5	EA2a
191	13D201M024	Nguyễn Văn Mạnh	Hùng	13CĐ-TM2	2.0	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
192	13D201P029	Phạm Khắc	Hùng	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
193	13D2050295	Trịnh Đức	Hùng	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
194	13D2010078	Trương Văn	Hùng	13CĐ-CK5	3.0	EA2b
195	13D2010077	Nguyễn Phước	Hưng	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
196	13D201P030	Phan Ngọc	Hưng	13CĐ-TP2	1.0	EA2a
197	13D2040015	Trương Thị Cẩm	Hướng	13CĐ-M	2.5	EA2a
198	13D201M081	Hồ Gia	Hưởng	13CĐ-TM1	4.0	EA2b
199	13D201P031	Lê Thanh	Hữu	13CĐ-TP1	1.5	EA2a
200	13D2050081	Bùi Quang	Huy	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
201	13D301Đ063	Diêu Anh	Huy	13CĐ-Đ3	3.5	EA2b
202	13D301Đ065	Đoàn Lê Xuân	Huy	13CĐ-Đ1	3.0	EA2b
203	11D0030051	Lê Đức	Huy	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
204	13D2050083	Lê Ngọc	Huy	13CĐ-Ô2	3.5	EA2b
205	13D3010045	Lê Thành	Huy	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
206	13D3010046	Mai Ngọc	Huy	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
207	13D2050084	Nguyễn Đức	Huy	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
208	13D2060071	Nguyễn Hoàng	Huy	13CĐ-NL1	3.0	EA2b
209	13D2010079	Nguyễn Phát	Huy	13CĐ-CK2	2.0	EA2a
210	13D2050086	Trần Hữu	Huy	13CĐ-Ô1	3.0	EA2b
211	13D2050087	Trần Mạnh	Huy	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
212	13D2050089	Võ Ngọc Hoàng	Huy	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
213	12D2050032	Vũ Đức	Huy	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
214	13D3010049	Bùi Văn	Huỳnh	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
215	13D2010283	Ngô Quý	Huỳnh	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
216	13D201M025	Nguyễn Văn	Huỳnh	13CĐ-TM1	2.5	EA2a
217	13D201P050		Isanaury	13CĐ-TP2	2.5	EA2a
218	13D2010080	Đỗ Linh	Kha	13CĐ-CK3	1.5	EA2a
219	13D2010081	Nguyễn Thành	Kha	13CĐ-CK4	2.0	EA2a
220	13D201P032	Phạm Điền	Kha	13CĐ-TP2	2.5	EA2a
221	13D2040017	Phạm Hoàng Mộng	Kha	13CĐ-M	3.0	EA2b
222	13D2050090	Lê Tuấn	Khải	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
223	13D2010082	Trần Quang	Khải	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
224	13D2050091	Nguyễn Dương	Khang	13CĐ-Ô1	2.0	EA2a
225	13D201M027	Trịnh Hoàng	Khanh	13CĐ-TM1	1.5	EA2a
226	13D3010052	Nguyễn Quang	Khánh	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
227	13D201P033	Trần Văn Duy	Khánh	13CĐ-TP1	2.0	EA2a
228	13D2050092	Lâu Nhục	Khên	13CĐ-Ô2	1.5	EA2a
229	13D3010053	Đỗ Đăng	Khoa	13CĐ-ĐT1	2.0	EA2a
230	13D2050093	Nguyễn Anh	Khoa	13CĐ-Ô2	3.0	EA2b
231	13D2010086	Nguyễn Đan	Khoa	13CĐ-CK4	2.5	EA2a
232	13D2010087	Trần Ngọc	Khoa	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
233		Huỳnh Duy	Khánh	13CĐ-ĐT1	1.0	EA2a
234	13D2050108	Nguyễn Phi	Long	13CĐ-Ô1	1.5	EA2a
235	13D2010083	Võ Thiện	Hóa	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
236	13D2010067	Trương Công	Hoài	13CĐ-CK2	2.0	EA2a
237	13D2050004	Phạm Tuấn	Anh	13CĐ-Ô3	2.5	EA2a
238	13D2050034	Trần Quốc	Đạt	13CĐ-Ô3	1.0	EA2a
239	13D2010212	Nguyễn Tự Trường	Thuật	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
240	13D2010049	Võ Ngọc	Hải	13CĐ-CK2	2.0	EA2a
241	13D3010013	Phạm Ngọc	Hoàng	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
242	13D3010169	Lê Hoàng	Duy	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
243	13D2050072	Đỗ Văn	Hóa	13CĐ-Ô2	3.0	EA2b
244	13D2050077	Lê Văn	Hưng	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
245	13D301Đ022	Phạm Duy	Cường	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
246	13D201P008	Nguyễn Thanh	Bảo	13CĐ-TP1	3.5	EA2b
247	13D201P110	Nguyễn Thị	Chung	13CĐ-TP1	2.0	EA2a
248	13D201P072	Lê Sỹ	Định	13CĐ-TP1	1.5	EA2a
249	13D201P016	Đào Mạnh	Duy	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
250	13D201P060	Sâm Lý	Hùng	13CĐ-TP1	3.0	EA2b
251	13D3010041	Nguyễn Minh	Hùng	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
252	13D2050088	Trịnh Tấn	Huy	13CĐ-Ô2	2.5	EA2a
253	13D201P034	Nguyễn Văn	Khôi	13CĐ-TP2	1.5	EA2a
254	13D2010088	Trần Minh	Khôi	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
255	13D2060023	Lại Văn	Khương	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
256	13D2010091	Nguyễn Sỹ	Kiên	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
257	13D3010056	Phan Trung	Kiên	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
258	13D201P038	Trần Đình Anh	Kiệt	13CĐ-TP2	4.0	EA2b
259	13D3010057	Trần Văn	Kiệt	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
260	13D201P040	Lâm Xuân	Ký	13CĐ-TP2	2.0	EA2a
261	13D2010094	Trương Thanh	Kỳ	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
262	13D2010095	Vô Quý	Kỳ	13CĐ-CK3	2.5	EA2a
263	13D2010093	Nguyễn Tấn	Kỳ	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
264	13D201M029	Trần Minh	Lai	13CĐ-TM1	0.5	EA2a
265	13D3010058	Nguyễn Ngọc	Lâm	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
266	13D201P042	Vô Thị Mỹ	Lan	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
267	13D301Đ073	Trịnh Đại	Lăng	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
268	13D3010061	Nguyễn Quang	Lành	13CĐ-ĐT2	3.0	EA2b
269	13D201M030	Lâm Đức	Lễ	13CĐ-TM2	2.0	EA2a
270	13D2040060	Cao Thị Mỹ	Lệ	13CĐ-M	2.5	EA2a
271	13D201M031	Hoàng Ngọc	Linh	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
272	13D2040061	Lê Hà	Linh	13CĐ-M	2.5	EA2a
273	13D2060025	Lê Hoàng	Linh	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
274	13D2010099	Lương Tấn	Linh	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
275	13D301Đ074	Ngô Quốc Thái	Linh	13CĐ-Đ2	1.0	EA2a
276	13D2010100	Nguyễn Hoàng	Linh	13CĐ-CK3	1.5	EA2a
277	13D301Đ204	Nguyễn Khánh	Linh	13CĐ-Đ1	3.5	EA2b
278	13D2010101	Nguyễn Ngọc	Linh	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
279	13D2050099	Nguyễn Thanh	Linh	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
280	13D2010102	Phan Quang	Linh	13CĐ-CK5	3.5	EA2b
281	13D301Đ075	Trần Ngọc	Linh	13CĐ-Đ3	2.0	EA2a
282	13D2040020	Nguyễn Thị Thanh	Loan	13CĐ-M	4.5	EA2b
283	13D201P117	Lại Xuân	Lộc	13CĐ-TP2	2.0	EA2a
284	13D2010104	Nguyễn Tấn	Lộc	13CĐ-CK2	2.5	EA2a
285	13D201P118	Trần Bửu	Lộc	13CĐ-TP2	3.5	EA2b
286	13D201M032	Kiều Tấn	Lợi	13CĐ-TM2	3.0	EA2b
287	13D2010200	Nguyễn	Thiện	13CĐ-CK3	2.5	EA2a
288	13D20110245	Huỳnh Văn	Tuấn	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
289	13D2010190	Phạm Văn	Thắng	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
290	13D301Đ079	Khương Trung	Long	13CĐ-Đ3	1.5	EA2a
291	13D2010107	Nghiêm Bảo	Long	13CĐ-CK5	1.5	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
292	13D201M094	Nguyễn Hoàng	Long	13CĐ-TM1	2.5	EA2a
293	13D201P044	Nguyễn Thành	Long	13CĐ-TP2	1.0	EA2a
294	13D201P045	Phan Ngọc Bảo	Long	13CĐ-TP1	1.5	EA2a
295	13D2050109	Tăng Mộng	Long	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
296	13D2050110	Trần Ngọc	Long	13CĐ-Ô1	3.0	EA2b
297	13D2040021	Nguyễn Thành	Luân	13CĐ-M	1.5	EA2a
298	13D2010109	Trần Duy	Luận	13CĐ-CK2	2.5	EA2a
299	13D201M035	Võ Minh	Luận	13CĐ-TM1	3.0	EA2b
300	13D301Đ162	Đỗ Văn	Lượng	13CĐ-Đ1	1.5	EA2a
301	13D2010111	Mai Tấn	Lượng	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
302	13D2050112	Nguyễn Văn	Lượng	13CĐ-Ô2	0.5	EA2a
303	13D201M105	Huỳnh Thị	Lùy	13CĐ-TM2	3.0	EA2b
304	13D301Đ081	Mai Đình	Luyện	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
305	13D2010112	Nguyễn Hữu	Lý	13CĐ-CK5	2.5	EA2a
306	13D2010113	Phạm Thanh	Lý	13CĐ-CK1	2.5	EA2a
307	13D201M036	Hồ Văn	Mẫn	13CĐ-TM2	2.5	EA2a
308	13D2010114	Nguyễn Hoàng	Mạnh	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
309	13D2060029	Nguyễn Ngọc	Mạnh	13CĐ-NL1	2.0	EA2a
310	13D2010115	Nguyễn Văn	Mạnh	13CĐ-CK3	0.5	EA2a
311	13D3010180	Nguyễn Viết	Mạnh	13CĐ-ĐT2	3.0	EA2b
312	13D2010117	Đoàn Thanh	Minh	13CĐ-CK5	2.5	EA2a
313	13D2040022	Hà Kim	Minh	13CĐ-M	1.5	EA2a
314	13D2010118	Nguyễn Cao	Minh	13CĐ-CK1	2.5	EA2a
315	13D3010069	Nguyễn Công	Minh	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
316	13D201M099	Nguyễn Hoàng	Minh	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
317	13D201M091	Nguyễn Nhật	Minh	13CĐ-TM2	3.5	EA2b
318	13D201M038	Ôn Nhật	Minh	13CĐ-TM2	1.5	EA2a
319	13D201P048	Phạm Trọng	Minh	13CĐ-TP2	1.5	EA2a
320	13D2010119	Võ Văn	Minh	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
321	13D2050118	Vũ	Minh	13CĐ-Ô3	5.5	EB1a
322	13D2040023	Huỳnh Mỹ	Múa	13CĐ-M	2.5	EA2a
323	13D2040024	Nguyễn Thị Hoài	Mỹ	13CĐ-M	2.0	EA2a
324	13D3010070	Trần Chí	Mỹ	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
325	13D2010120	Bế Ngọc Hoàng	Nam	13CĐ-CK3	4.0	EA2b
326	13D2050266	Bùi Xuân	Nam	13CĐ-Ô1	3.0	EA2b
327	13D2010121	Châu Hoài	Nam	13CĐ-CK4	2.5	EA2a
328		Nguyễn Duy	Tiên	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
329		Trần Đức	Phúc	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
330	13D2010122	Hoàng Sỹ	Nam	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
331	13D3010071	Nguyễn Thành	Nam	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
332	13D2060033	Phạm Nhật	Nam	13CĐ-NL1	2.0	EA2a
333	13D3010073	Trịnh Phương	Nam	13CĐ-ĐT1	3.0	EA2b
334	13D301Đ085	Võ Hoài	Nam	13CĐ-Đ1	4.0	EA2b
335	13D2010123	Ngô Văn	Năm	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
336	13D2040025	Phan Thị Mỹ	Nga	13CĐ-M	1.5	EA2a
337	13D2050122	Phan Vĩnh	Ngà	13CĐ-Ô2	1.5	EA2a
338	13D301Đ086	Phạm Văn	Nghị	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
339	13D2050123	Hoàng Văn	Nghĩa	13CĐ-Ô4	2.5	EA2a
340	13D3010074	Huỳnh Trọng	Nghĩa	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
341	13D2050124	Lê Đức	Nghĩa	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
342	13D2050125	Lê Hữu	Nghĩa	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
343	13D201M041	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	13CĐ-TM1	2.5	EA2a
344	13D301Đ089	Nguyễn Hữu	Nghĩa	13CĐ-Đ1	2.5	EA2a
345	13D201M042	Phan Duy	Nghĩa	13CĐ-TM2	1.5	EA2a
346	13D2050281	Trần Trọng	Nghĩa	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
347	13D2010126	Võ Thành	Nghĩa	13CĐ-CK4	3.5	EA2b
348	13D2040027	Phan Thị Ánh	Ngọc	13CĐ-M	3.0	EA2b
349	13D2050128	Trần Văn Phương	Ngọc	13CĐ-Ô3	2.5	EA2a
350	13D2050130	Huỳnh Văn	Nguyên	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
351	13D201P052	Lê Phát	Nguyên	13CĐ-TP2	2.5	EA2a
352	13D2040066	Nguyễn Đình Hồng	Nguyên	13CĐ-M	2.5	EA2a
353	13D2010127	Nguyễn Xuân	Nguyên	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
354	13D2010129	Phạm Văn	Nguyên	13CĐ-CK2	2.5	EA2a
355	13D301Đ198	Hoàng Chí	Nguyên	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
356	13D2010138	Võ Thanh	Nhân	13CĐ-CK1	2.5	EA2a
357	13D2010131	Huỳnh Văn	Nhân	13CĐ-CK4	2.0	EA2a
358	13D301Đ091	Lâm Hoàng	Nhân	13CĐ-Đ3	4.0	EA2b
359	13D3010077	Lâm Trọng	Nhân	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
360	13D2010133	Nguyễn Ngọc	Nhân	13CĐ-CK4	3.5	EA2b
361	13D201M044	Nguyễn Trọng	Nhân	13CĐ-TM2	1.5	EA2a
362	13D2010136	Tô Trọng	Nhân	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
363	13D3010078	Võ Phước	Nhân	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
364	13D201M043	Nguyễn Thị Kim	Nhạn	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
365	13D201P053	Nguyễn	Nhật	13CĐ-TP2	3.5	EA2b
366	13D3010042	Nguyễn Sinh	Nhật	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
367	13D201P055	Phan Minh	Nhật	13CĐ-TP2	2.5	EA2a
368	13D2040028	Hồ Thị Yến	Nhi	13CĐ-M	2.0	EA2a
369	13D201M088	Trần Mạnh	Nhi	13CĐ-TM1	3.0	EA2b
370	13D201M045	Lê Hữu	Nhơn	13CĐ-TM1	2.5	EA2a
371	13D2040065	Mai Thị Huỳnh	Như	13CĐ-M	2.0	EA2a
372	13D2040030	Lê Thị	Nhung	13CĐ-M	2.5	EA2a
373	13D2040031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13CĐ-M	2.5	EA2a
374	13D2050140	Lê Văn	Nhường	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
375	13D3010079	Hồ Đình	Nhựt	13CĐ-ĐT1	2.0	EA2a
376	13D2010139	Đặng Nguyễn Hoài	Ninh	13CĐ-CK2	2.0	EA2a
377	13D201M046	Nguyễn Đoàn Thanh	Pháp	13CĐ-TM2	2.5	EA2a
378	13D301Đ095	Huỳnh Hoàng	Phát	13CĐ-Đ3	2.5	EA2a
379	13D3010081	Huỳnh Tấn	Phát	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
380	13D2010140	Lê Quang	Phát	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
381	13D201M047	Lê Văn	Phát	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
382	13D301Đ097	Nguyễn Thành	Phát	13CĐ-Đ1	0.5	EA2a
383	13D2060039	Lê Hồng	Phi	13CĐ-NL1	2.0	EA2a
384	13D2050144	Lê Quang	Phi	13CĐ-Ô3	3.0	EA2b
385	13D2010141	Đặng Xuân	Phong	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
386	13D201P056	Dương Thanh	Phong	13CĐ-TP2	1.5	EA2a
387	13D301Đ098	Hồ Sỹ	Phong	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
388	13D2010143	Nguyễn Văn	Phong	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
389	13D2010144	Nguyễn Văn	Phong	13CĐ-CK2	2.5	EA2a
390	13D2010145	Phạm Huỳnh Nga	Phong	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
391	13D3010084	Võ Trần Vũ	Phong	13CĐ-ĐT2	3.0	EA2b

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
392	13D2050145	Vũ Minh	Phong	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
393	13D2010147	Hán Văn	Phú	13CĐ-CK5	1.5	EA2a
394	13D2010149	Trần Thanh	Phú	13CĐ-CK2	2.0	EA2a
395	13D2010150	Võ Văn	Phú	13CĐ-CK3	2.0	EA2a
396	13D2050147	Nguyễn Dương Hoàng	Phúc	13CĐ-Ô2	3.0	EA2b
397	13D2010153	Nguyễn Hoàng	Phúc	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
398	13D2010154	Nguyễn Thanh	Phúc	13CĐ-CK2	5.5	EB1a
399	13D2060041	Nguyễn Văn	Phúc	13CĐ-NL1	2.0	EA2a
400	13D3010091	Võ Thế	Phúc	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
401	13D3010162	Võ Trường	Phúc	13CĐ-ĐT2	4.5	EA2b
402	13D2010156	Trương Hoàng	Phục	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
403	13D201M050	Đặng Minh	Phụng	13CĐ-TM2	1.5	EA2a
404	13D3010092	Nguyễn Anh	Phụng	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
405	13D2010157	Đỗ Hữu	Phước	13CĐ-CK5	5.0	EB1a
406	13D2010158	Đỗ Thành	Phước	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
407	13D2050151	Mai Hữu	Phước	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
408	13D3010093	Nguyễn Đại	Phước	13CĐ-ĐT2	2.5	EA2a
409	13D2010159	Phan Ngọc	Phước	13CĐ-CK2	1.0	EA2a
410	13D301Đ106	Trần Hữu	Phước	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
411	13D2050152	Trần Văn	Phước	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
412	13D2040033	Cao Thị Ngọc	Phương	13CĐ-M	1.5	EA2a
413	13D3010096	Hoàng Minh	Phương	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
414	13D2010160	Lê Minh	Phương	13CĐ-CK3	2.5	EA2a
415	13D2050282	Nguyễn Mạnh	Phương	13CĐ-Ô3	3.0	EA2b
416	13D3010098	Nguyễn Minh	Phương	13CĐ-ĐT1	3.0	EA2b
417	13D2040034	Nguyễn Thị	Phượng	13CĐ-M	1.5	EA2a
418	13D2050154	Nguyễn Văn	Pít	13CĐ-Ô3	1.0	EA2a
419	13D2060043	Đặng Vinh	Quan	13CĐ-NL1	1.0	EA2a
420	13D2010292	Cát Văn	Quân	13CĐ-CK5	2.0	EA2a
421	13D2050155	Lê Văn	Quân	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
422	13D2050156	Nguyễn Hoàng	Quân	13CĐ-Ô1	2.0	EA2a
423	13D2010162	Trần	Quân	13CĐ-CK5	2.5	EA2a
424	13D2050157	Chế Vinh	Quang	13CĐ-Ô2	3.0	EA2b
425	13D2010286	Đặng Văn	Quang	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
426	13D201P063	Trương Minh	Quang	13CĐ-TP1	3.0	EA2b
427	13D2050158	Đặng Anh	Qui	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
428	13D2050159	Nguyễn Đức	Quý	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
429	13D301Đ110	Đỗ Đăng	Quốc	13CĐ-Đ2	1.0	EA2a
430	13D2010167	Nguyễn Thành	Quý	13CĐ-CK5	2.5	EA2a
431	13D3010100	Phạm Duy	Quý	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
432	13D2050161	Trần	Quý	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
433	13D2040009	Võ Thiện	Quý	13CĐ-M	3.0	EA2b
434	13D3010101	Vòng Đông	Quý	13CĐ-ĐT1	2.0	EA2a
435	13D2040035	Lê Hoàng Trúc	Quyên	13CĐ-M	2.0	EA2a
436	13D2060047	Võ Thành	Quyên	13CĐ-NL1	2.0	EA2a
437	13D2010170	Cáp Minh	Quyên	13CĐ-CK3	1.5	EA2a
438	13D3010182	Lê Thanh	Quyên	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
439	13D3010102	Nguyễn Đức	Quynh	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
440	13D2050163	Nguyễn Hồng	Sang	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
441	13D2010174	Nguyễn Thanh	Sang	13CĐ-CK2	1.5	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
442	13D2050164	Phan Văn	Sang	13CD-Ô3	2.0	EA2a
443	13D2010173	Nguyễn	Sáng	13CD-CK1	2.0	EA2a
444	13D3010103	Trần Quang	Sáng	13CD-ĐT2	2.0	EA2a
445	13D2010175	Đoàn	Sĩ	13CD-CK3	1.5	EA2a
446	13D2060049	Đỗ Ngọc	Sịn	13CD-NL1	1.5	EA2a
447	13D2050166	Huỳnh Văn	Sinh	13CD-Ô1	2.0	EA2a
448	13D3010104	Đặng Kỳ	Sơn	13CD-ĐT1	2.0	EA2a
449	13D2050167	Lê Hồng	Sơn	13CD-Ô2	1.5	EA2a
450	13D2010176	Ngô Đình Thái	Sơn	13CD-CK4	2.0	EA2a
451	13D3010105	Nguyễn Công	Sơn	13CD-ĐT1	1.5	EA2a
452	13D2010177	Trần Đình	Sơn	13CD-CK5	2.5	EA2a
453	13D201P070	Trần Văn	Sơn	13CD-TP2	2.5	EA2a
454	13D201M083	Mai Thanh	Song	13CD-TM2	2.0	EA2a
455	13D3010107	Ngô Văn	Tạc	13CD-ĐT1	3.0	EA2b
456	13D201M054	Huỳnh Văn	Tài	13CD-TM2	1.5	EA2a
457	13D301Đ119	Lưu Đức	Tài	13CD-Đ3	5.0	EB1a
458	13D3010110	Phan Chí	Tài	13CD-ĐT1	2.0	EA2a
459	13D2050170	Trần Ngọc	Tài	13CD-Ô4	2.0	EA2a
460	13D2050171	Nguyễn Minh	Tâm	13CD-Ô1	1.0	EA2a
461	13D201M082	Nguyễn Minh	Tâm	13CD-TM2	1.5	EA2a
462	13D2060051	Nguyễn Thanh	Tâm	13CD-NL1	2.5	EA2a
463	13D2010181	Nguyễn Thanh	Tâm	13CD-CK4	2.5	EA2a
464	13D3010112	Nguyễn Thành	Tâm	13CD-ĐT2	2.0	EA2a
465	13D301Đ122	Nguyễn Thành	Tâm	13CD-Đ2	1.5	EA2a
466	13D2010182	Phạm Minh	Tâm	13CD-CK5	1.5	EA2a
467	13D201P109	Phan Thị	Tâm	13CD-TP1	2.0	EA2a
468	13D2050172	Phùng Văn	Tâm	13CD-Ô2	2.5	EA2a
469	13D301Đ124	Cao Nguyễn Nhật	Tân	13CD-Đ1	2.0	EA2a
470	13D2010183	Hoàng Nhật	Tân	13CD-CK1	1.5	EA2a
471	13D3010115	Nguyễn Minh	Tân	13CD-ĐT2	5.5	EB1a
472	13D301Đ125	Nguyễn Minh	Tân	13CD-Đ2	4.0	EA2b
473	13D201M057	Nguyễn Minh	Tân	13CD-TM1	7.0	EB1b
474	13D2010289	Nguyễn Văn	Tây	13CD-CK4	3.5	EA2b
475	13D2010185	Lê Kim	Thạch	13CD-CK3	2.0	EA2a
476	13D2010186	Nguyễn Văn	Thạch	13CD-CK4	2.0	EA2a
477	13D301Đ129	Văn Hữu Duy	Thạch	13CD-Đ3	1.5	EA2a
478	13D2010187	Lê Quang	Thái	13CD-CK5	2.0	EA2a
479	13D201M109	Phạm Hữu	Thận	13CD-TM1	2.0	EA2a
480	13D2010294	Tôn Đức	Thăng	13CD-CK4	1.5	EA2a
481	13D2010188	Dương Hải	Thắng	13CD-CK1	2.0	EA2a
482	13D2010219	Huỳnh Quang	Thắng	13CD-CK2	1.5	EA2a
483	13D3010117	Lê Chí Hoàng	Thắng	13CD-ĐT1	5.0	EB1a
484	13D201P075	Lê Đình	Thắng	13CD-TP1	3.0	EA2b
485	13D2050178	Lưu Công	Thắng	13CD-Ô3	2.0	EA2a
486	13D2050179	Nguyễn Chiến	Thắng	13CD-Ô4	1.5	EA2a
487	13D3010118	Nguyễn Công	Thắng	13CD-ĐT2	1.5	EA2a
488	13D301Đ130	Nguyễn Việt	Thắng	13CD-Đ1	2.0	EA2a
489	13D2050180	Trần Văn	Thắng	13CD-Ô4	1.5	EA2a
490	13D2050181	Trần Việt	Thắng	13CD-Ô1	1.5	EA2a
491	13D2050185	Lê Hoài	Thanh	13CD-Ô4	2.5	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
492	13D2050188	Nguyễn Hoài	Thanh	13CD-Ô3	2.5	EA2a
493	13D2010195	Nguyễn Văn Chí	Thanh	13CD-CK3	1.0	EA2a
494	13D301Đ135	Phan Duy	Thanh	13CD-Đ3	1.5	EA2a
495	13D2010196	Phùng Hữu	Thanh	13CD-CK4	2.5	EA2a
496	13D2040037	Trần Đăng Bích	Thanh	13CD-M	1.0	EA2a
497	13D301Đ136	Trần Minh	Thanh	13CD-Đ1	1.0	EA2a
498	13D2010198	Trương Nhật	Thanh	13CD-CK5	2.0	EA2a
499	13D3010120	Bùi Văn	Thành	13CD-ĐT1	1.5	EA2a
500	13D3010121	Đặng Xuân	Thành	13CD-ĐT2	2.5	EA2a
501	13D2060053	Hồ Tấn	Thành	13CD-NL1	2.0	EA2a
502	13D201M058	Mai Công	Thành	13CD-TM2	1.5	EA2a
503	13D2010191	Ngô Hoàng	Thành	13CD-CK4	3.0	EA2b
504	13D2050189	Nguyễn Hữu	Thành	13CD-Ô3	2.0	EA2a
505	13D301Đ133	Nguyễn Khắc	Thành	13CD-Đ1	1.5	EA2a
506	13D301Đ134	Nguyễn Lê Trung	Thành	13CD-Đ2	2.0	EA2a
507	13D2010193	Nguyễn Tấn	Thành	13CD-CK1	2.0	EA2a
508	13D2050190	Nguyễn Tấn	Thành	13CD-Ô4	2.5	EA2a
509	13D301Đ137	Trần Phúc	Thạnh	13CD-Đ2	2.5	EA2a
510	13D201P077	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	13CD-TP1	3.0	EA2b
511	13D3010122	Nguyễn Thạch	Thảo	13CD-ĐT1	1.5	EA2a
512	13D301Đ169	Nguyễn Thanh	Thảo	13CD-Đ1	2.0	EA2a
513	13D2040038	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13CD-M	2.0	EA2a
514	13D2040039	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	13CD-M	3.0	EA2b
515	13D2040040	Phan Thị Hồng	Thảo	13CD-M	1.5	EA2a
516	13D2050277	Trần Thanh	Thảo	13CD-Ô4	4.0	EA2b
517	13D301Đ138	Trương Công	Thảo	13CD-Đ3	1.5	EA2a
518	13D2040041	Vương Hào	Thảo	13CD-M	2.5	EA2a
519	13D3010123	Phạm Văn	Thế	13CD-ĐT1	2.0	EA2a
520	13D201P078	Nguyễn Trường	Thị	13CD-TP2	1.0	EA2a
521	13D2010199	Đinh Xuân	Thiện	13CD-CK2	2.0	EA2a
522	13D201M060	Nguyễn Trung	Thiện	13CD-TM2	2.0	EA2a
523	13D301Đ140	Phạm Hoàng	Thiện	13CD-Đ2	3.0	EA2b
524	13D201P114	Trần Minh	Thiện	13CD-TP2	2.5	EA2a
525	13D201P123	Trần Xuân	Thiện	13CD-TP2	3.5	EA2b
526	13D2010268	Võ Hoàng	Thiện	13CD-CK5	2.5	EA2a
527	13D2010202	Lê Đình	Thịnh	13CD-CK5	1.5	EA2a
528	13D3010125	Nguyễn Ngọc Huy	Thịnh	13CD-ĐT1	6.0	EB1a
529	13D2010203	Nguyễn Phùng	Thịnh	13CD-CK1	2.0	EA2a
530	13D201M062	Nguyễn Tấn	Thịnh	13CD-TM2	2.0	EA2a
531	13D2010204	Phạm Công	Thịnh	13CD-CK2	2.0	EA2a
532	13D201M064	Lê Trường	Thọ	13CD-TM2	2.0	EA2a
533	13D2050198	Nguyễn Xuân	Thọ	13CD-Ô3	1.0	EA2a
534	13D2010205	Phạm Tấn	Thọ	13CD-CK3	3.0	EA2b
535	13D201M065	Phan Nguyễn Anh	Thọ	13CD-TM1	2.0	EA2a
536	13D2050199	Nguyễn Ngọc	Thoại	13CD-Ô3	3.0	EA2b
537	13D2010206	Nguyễn Quang	Thơm	13CD-CK4	2.5	EA2a
538	13D201P080	Huỳnh	Thông	13CD-TP2	2.5	EA2a
539	13D301Đ143	Nguyễn Ngọc	Thông	13CD-Đ2	2.0	EA2a
540	13D2010207	Nguyễn Trí	Thông	13CD-CK5	2.0	EA2a
541	13D2050201	Trần Kim	Thông	13CD-Ô1	2.5	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
542	13D2010208	Trần Văn Minh	Thông	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
543	13D2050202	Đỗ Thị Cẩm	Thu	13CĐ-Ô4	3.0	EA2b
544	13D2040043	Trần Thị Lệ	Thu	13CĐ-M	3.0	EA2b
545	13D2040042	Lê Thị Mai	Thư	13CĐ-M	2.5	EA2a
546	13D2010209	Phan Vũ	Thư	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
547	13D301Đ144	Lê Văn	Thuần	13CĐ-Đ3	2.0	EA2a
548	13D201M067	Ngô Minh	Thuận	13CĐ-TM1	1.5	EA2a
549	13D2010265	Nguyễn Duy	Thuận	13CĐ-CK5	3.5	EA2b
550	13D3010127	Nguyễn Ngọc	Thuận	13CĐ-ĐT2	4.5	EA2b
551	13D301Đ146	Nguyễn Văn	Thuận	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
552	13D2010211	Nguyễn Văn	Thuận	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
553	13D201P083	Nguyễn Văn	Thuận	13CĐ-TP1	1.5	EA2a
554	13D3010128	Vũ Duy	Thuận	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
555	13D2040044	Nguyễn Phương	Thức	13CĐ-M	2.0	EA2a
556	13D2050205	Nguyễn Thành	Thức	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
557	13D2050206	Thượng Công	Thức	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
558	13D2060055	Lê Song	Thương	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
559	13D201P107	Nguyễn Kim	Thương	13CĐ-TP2	2.0	EA2a
560	13D2050209	Trần Văn	Thương	13CĐ-Ô3	1.0	EA2a
561	13D3010130	Huỳnh Văn	Thưởng	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
562	13D2040045	Đào Thị Thanh	Thùy	13CĐ-M	1.5	EA2a
563	13D2010213	Phạm Văn	Thủy	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
564	13D2010214	Võ Duy	Thuyền	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
565	13D2040046	Lưu Thị Thủy	Tiên	13CĐ-M	2.5	EA2a
566	13D2010218	Nguyễn Xuân	Tiên	13CĐ-CK1	2.5	EA2a
567	13D301Đ188	Đặng Ngọc	Tiến	13CĐ-Đ3	1.5	EA2a
568	13D301Đ147	Lê Minh	Tiến	13CĐ-Đ3	2.0	EA2a
569	13D201M068	Nguyễn Minh	Tiến	13CĐ-TM2	3.5	EA2b
570	13D2050211	Phạm Minh	Tiến	13CĐ-Ô1	1.5	EA2a
571	13D2050212	Phạm Minh	Tiến	13CĐ-Ô2	1.5	EA2a
572	13D201P087	Trần Minh	Tiến	13CĐ-TP2	2.5	EA2a
573	13D2050213	Trịnh Văn	Tiến	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
574	13D2050210	Lê Văn	Tiện	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
575	13D2010223	Nguyễn Trọng	Tín	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
576	13D3010133	Nguyễn Trung	Tín	13CĐ-ĐT2	1.5	EA2a
577	13D2010224	Trần Chánh	Tín	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
578	13D2050216	Lương Văn	Tinh	13CĐ-Ô1	1.5	EA2a
579	13D301Đ152	Phạm Cao Hữu	Tinh	13CĐ-Đ2	1.5	EA2a
580	13D2050217	Nguyễn Đạo	Tĩnh	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
581	13D201M102	Nguyễn Văn	To	13CĐ-TM2	1.0	EA2a
582	13D3010134	Đào Hữu	Toàn	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
583	13D201M090	Đỗ Khánh	Toàn	13CĐ-TM2	2.5	EA2a
584	13D2010291	Lê Công	Toàn	13CĐ-CK5	3.5	EA2b
585	13D201M103	Lê Phú	Toàn	13CĐ-TM2	2.0	EA2a
586	13D2050218	Nguyễn Lê Phước	Toàn	13CĐ-Ô4	3.0	EA2b
587	13D2050285	Nguyễn Mạnh	Toàn	13CĐ-Ô2	1.5	EA2a
588	13D3010135	Nguyễn Minh	Toàn	13CĐ-ĐT1	2.0	EA2a
589	13D2050219	Nguyễn Văn	Toàn	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
590	13D2050220	Phan Anh	Toàn	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
591	13D2010278	Trần Lê Bảo	Toàn	13CĐ-CK5	2.0	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
592	13D3010137	Phan Tấn	Tối	13CĐ-ĐT1	3.5	EA2b
593	13D3010138	Lê Quang	Trãi	13CĐ-ĐT1	3.0	EA2b
594	13D2040047	Lý Mỹ	Trâm	13CĐ-M	2.5	EA2a
595	13D2040049	Trần Bảo	Trân	13CĐ-M	2.5	EA2a
596	13D2040050	Lý Ngọc	Trang	13CĐ-M	1.5	EA2a
597	13D301Đ153	Trương Tân	Trang	13CĐ-Đ3	1.5	EA2a
598	13D3010174	Trần Quốc	Trạng	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
599	13D2010227	Nguyễn Văn	Trao	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
600	13D2010228	Đỗ Thượng	Trí	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
601	13D2010229	Lê Minh	Trí	13CĐ-CK2	1.0	EA2a
602	12D2050084	Nguyễn Minh	Trí	13CĐ-Ô1	3.5	EA2b
603	13D2050222	Nguyễn Thành	Trí	13CĐ-Ô2	2.5	EA2a
604	13D2010231	Trịnh Minh	Trí	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
605	13D301Đ154	Võ Đức	Trí	13CĐ-Đ1	1.5	EA2a
606	13D2010269	Chế Quang	Triều	13CĐ-CK5	2.5	EA2a
607	13D2050223	Nguyễn Bảo	Triều	13CĐ-Ô4	2.5	EA2a
608	13D301Đ155	Hồ Huynh	Triệu	13CĐ-Đ2	4.5	EA2b
609	13D2010232	Nguyễn Ngọc	Triệu	13CĐ-CK5	1.5	EA2a
610	13D2050224	Nguyễn Quốc	Triệu	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
611	13D2040051	Tạ Thị Tuyết	Trinh	13CĐ-M	2.5	EA2a
612	13D2040063	Trần Thị Ngọc	Trinh	13CĐ-M	1.5	EA2a
613	13D3010142	Nguyễn Văn	Trình	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
614	13D2050225	Đinh Xuân	Trọng	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
615	13D2050286	Lê Văn	Trọng	13CĐ-Ô1	1.5	EA2a
616	13D201M071	Lường Văn	Trọng	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
617	13D2050226	Nguyễn Đức	Trọng	13CĐ-Ô1	2.0	EA2a
618	13D201M084	Phạm Gia Đức	Trọng	13CĐ-TM1	2.5	EA2a
619	13D2010233	Đặng Quốc	Trung	13CĐ-CK1	3.0	EA2b
620	13D301Đ158	Đỗ Tiến	Trung	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
621	13D2010234	Hồ Văn	Trung	13CĐ-CK2	3.0	EA2b
622	13D2050229	Nguyễn Thành	Trung	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a
623	13D2050230	Nguyễn Toàn	Trung	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
624	13D301Đ161	Phạm Minh	Trung	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
625	13D2010236	Võ Hoàng	Trung	13CĐ-CK4	2.5	EA2a
626	13D3010067	Vương Huỳnh	Trung	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
627	13D301Đ163	Mai Ngọc	Trước	13CĐ-Đ1	2.0	EA2a
628	13D2010238	Lê Ngọc Vũ	Trường	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
629	13D3010144	Trần Nhựt	Trường	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
630	13D301Đ164	Đàm Quốc	Tú	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
631	13D2050236	Hà Anh	Tú	13CĐ-Ô1	3.5	EA2b
632	13D201P095	Huỳnh Minh	Tú	13CĐ-TP1	3.0	EA2b
633	13D201M072	Lê Thị Cẩm	Tú	13CĐ-TM2	2.0	EA2a
634	13D3010145	Nguyễn Anh	Tú	13CĐ-ĐT2	3.0	EA2b
635	13D301Đ167	Phạm Lê Tuấn	Tú	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
636	13D2010242	Trần Ngọc	Tú	13CĐ-CK5	1.5	EA2a
637	13D2050238	Trương Công	Tú	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
638	13D3010146	Võ Duy	Tú	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
639	13D2010243	Võ Trần Nhật	Tú	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
640	13D2010244	Bùi Huy	Tuấn	13CĐ-CK2	3.0	EA2b
641	13D2010252	Bùi Văn	Tuấn	13CĐ-CK5	1.5	EA2a

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
642	13D201M073	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	13CĐ-TM1	3.5	EA2b
643	13D2050241	Nguyễn Minh	Tuấn	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
644	13D2050242	Phạm Hoàng Anh	Tuấn	13CĐ-Ô2	2.5	EA2a
645	13D2050288	Phan Đoàn Anh	Tuấn	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
646	13D2050243	Phan Ngọc	Tuấn	13CĐ-Ô4	5.0	EB1a
647	13D3010150	Trần Ngọc	Tuấn	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
648	13D2010248	Trần Quốc	Tuấn	13CĐ-CK4	1.5	EA2a
649	13D201M074	Nguyễn Hoàng	Tuấn	13CĐ-TM2	3.5	EA2b
650	13D301Đ170	Phan Văn	Tuệ	13CĐ-Đ2	1.5	EA2a
651	13D2010249	Danh	Tùng	13CĐ-CK2	1.5	EA2a
652	13D2010039	Hoàng Kim	Tùng	13CĐ-CK5	1.5	EA2a
653	13D3010031	Lê Thanh	Tùng	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
654	12D301Đ163	Lê Thanh	Tùng	13CĐ-Đ3	2.5	EA2a
655	13D201M077	Nguyễn Thanh	Tùng	13CĐ-TM1	2.0	EA2a
656	13D2010250	Nguyễn Thanh	Tương	13CĐ-CK3	1.5	EA2a
657	13D3010151	Ngô Phi	Tường	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
658	13D2040018	Bùi Thị Kim	Tuyển	13CĐ-M	2.5	EA2a
659	13D2050303	Nguyễn Minh	Tuyền	13CĐ-Ô4	2.5	EA2a
660	13D2010253	Bùi Văn	Ty	13CĐ-CK1	1.5	EA2a
661	13D201P101	Trần Văn	Út	13CĐ-TP1	1.5	EA2a
662	13D2040053	Vũ Hoàn Phương	Uyên	13CĐ-M	3.0	EA2b
663	13D201P102	Đặng Ngọc	Vân	13CĐ-TP2	6.5	EB1b
664	13D2040054	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13CĐ-M	3.0	EA2b
665	13D2050248	Nguyễn Hữu	Vân	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
666	13D2040055	Phan Thị Hà	Vi	13CĐ-M	1.5	EA2a
667	13D2050249	Nguyễn Công	Vĩ	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
668	13D2050250	Nguyễn Quốc	Viên	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
669	13D2010254	Nguyễn Tấn	Viên	13CĐ-CK2	2.5	EA2a
670	13D201P121	Hoàng Quốc	Việt	13CĐ-TP2	3.5	EA2b
671	13D2050251	Nguyễn Hoàng	Việt	13CĐ-Ô1	2.5	EA2a
672	13D2050253	Trần Quốc	Việt	13CĐ-Ô4	1.0	EA2a
673	13D2010256	Trần Văn Đại	Việt	13CĐ-CK4	2.0	EA2a
674	13D2010257	Hồ Quang	Vinh	13CĐ-CK5	2.5	EA2a
675	13D2050254	Huỳnh Lê	Vinh	13CĐ-Ô3	3.0	EA2b
676	13D2050255	Lý Quốc	Vinh	13CĐ-Ô4	2.5	EA2a
677	13D2010258	Nguyễn Quang	Vinh	13CĐ-CK1	2.0	EA2a
678	13D2050257	Trịnh Văn	Vinh	13CĐ-Ô3	1.5	EA2a
679	13D2010260	Từ Quang	Vinh	13CĐ-CK3	3.5	EA2b
680	13D2050258	Đỗ Hoàng Minh	Vũ	13CĐ-Ô4	2.0	EA2a
681	13D301Đ176	Đoàn Tuấn	Vũ	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
682	13D301Đ178	Lê Văn	Vũ	13CĐ-Đ1	2.5	EA2a
683	13D2010261	Nguyễn Anh	Vũ	13CĐ-CK4	3.0	EA2b
684	13D2010262	Nguyễn Trần Tuấn	Vũ	13CĐ-CK5	3.0	EA2b
685	13D2050260	Nguyễn Văn	Vũ	13CĐ-Ô4	1.5	EA2a
686	13D2060067	Phạm Trọng	Vũ	13CĐ-NL1	1.5	EA2a
687	13D301Đ203	Nguyễn Văn	Vui	13CĐ-Đ2	2.5	EA2a
688	13D201P104	Huỳnh Thị Minh	Vy	13CĐ-TP2	2.0	EA2a
689	13D301Đ179	Lương Triều	Vỹ	13CĐ-Đ2	3.0	EA2b
690	13D2050262	Hồ Thanh	Xuân	13CĐ-Ô2	1.0	EA2a
691	13D2040056	Huỳnh Thị Thanh	Xuân	13CĐ-M	4.0	EA2b

TT	MSSV	Họ tên thí sinh		Lớp	Kết quả	Tên lớp tiếng Anh
692	13D3010159	Phạm Văn	Xuân	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
693	13D201M106	Trương Huỳnh	Xương	13CĐ-TM2	3.5	EA2b
694	13D201P105	Đặng Thị Kim	Xuyên	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
695	13D2040067	Lê Thị Như	Ý	13CĐ-M	2.5	EA2a
696	13D2010281	Nguyễn Đình	Ý	13CĐ-CK5	3.0	EA2b
697	13D201P106	Nguyễn Huỳnh Như	Ý	13CĐ-TP2	2.0	EA2a
698	13D201P035	Viên Phan Anh	Khương	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
699	12D2010093	Nguyễn Đình	Lữ	13CĐ-CK4	2.0	EA2a
700	13D2010116	Thái Hồng	Mạnh	13CĐ-CK4	2.0	EA2a
701	13D3010086	Viên Ngọc	Phú	13CĐ-ĐT1	1.5	EA2a
702	13D201P057	Huỳnh Ngọc Hoàng	Phúc	13CĐ-TP1	3.0	EA2b
703	13D2050283	Bùi Ngọc	Sơn	13CĐ-Ô2	2.5	EA2a
704	13D2010288	Nguyễn Quý	Tân	13CĐ-CK4	1.0	EA2a
705	13D2050191	Nguyễn Tuấn	Thanh	13CĐ-Ô2	2.5	EA2a
706	13D2050197	Phạm Văn	Thiên	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
707	13D3010129	Ngô Công	Thuật	13CĐ-ĐT1	2.5	EA2a
708	13D201P086	Hồ Quốc	Tiến	13CĐ-TP1	2.0	EA2a
709	13D2010216	Lê Minh	Tiến	13CĐ-CK4	2.5	EA2a
710	13D2010226	Trần Minh	Toàn	13CĐ-CK4	2.0	EA2a
711	13D201P090	Nguyễn Văn	Triệu	13CĐ-TP1	2.5	EA2a
712	13D2050227	Đoàn Quang	Trung	13CĐ-Ô2	2.0	EA2a
713	13D2050237	Phạm Xuân	Tú	13CĐ-Ô2	1.5	EA2a
714	13D301Đ184	Nguyễn Thanh	Vũ	13CĐ-Đ2	2.0	EA2a
715	12D3010177	Ngô Đức	Vượng	13CĐ-ĐT2	2.0	EA2a
716	13D3010172	Nguyễn Văn	Tiến	13CĐ-ĐT2	2.5	EA2a
717	13D2050299	Đạo Đức	Nam	13CĐ-Ô3	2.5	EA2a
718	13D2050169	Nguyễn Ngọc	Tài	13CĐ-Ô3	2.0	EA2a

Tổng cộng danh sách có 718 sinh viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG